

Dự thảo:

KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của
Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh
vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Xem xét Báo cáo của Ban Chính sách, chiến lược Trung ương về việc sơ kết thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; ý kiến của các cơ quan, Bộ Chính trị kết luận:

Sau hơn 3 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, với sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Trung ương, sự vào cuộc tích cực của các bộ, ngành và các địa phương trong vùng, việc tổ chức triển khai Nghị quyết 24-NQ/TW đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, bước đầu tạo chuyển biến tích cực trên nhiều lĩnh vực, góp phần củng cố vai trò của vùng Đông Nam Bộ là vùng kinh tế động lực, đầu tàu phát triển của cả nước. Vùng Đông Nam Bộ tiếp tục khẳng định vai trò là trung tâm kinh tế năng động, có quy mô lớn và đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế quốc gia, chiếm hơn 30% GDP của cả nước; thu nhập bình quân đầu người tiếp tục đứng đầu trong các vùng kinh tế của Việt Nam. Hoạt động sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ và thu hút đầu tư nước ngoài tiếp tục phát triển; nhiều ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, logistics, dịch vụ tài chính, thương mại hiện đại được mở rộng. Công tác quy hoạch và định hướng phát triển không gian kinh tế vùng đã có bước tiến quan trọng, bước đầu hình thành khung định hướng phát triển với các tiểu vùng, hành lang kinh tế và hệ thống đô thị động lực. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của vùng tiếp tục được quan tâm đầu tư, đặc biệt là hạ tầng giao thông và hạ tầng logistics với nhiều dự án hạ tầng chiến lược, có ý nghĩa liên kết vùng đã và đang được triển khai, như các tuyến cao tốc, vành đai đô thị, sân bay quốc tế Long Thành, hệ thống cảng biển và các công trình hạ tầng đô thị quan trọng. Văn hóa - xã hội, y tế và an sinh xã hội đạt nhiều kết quả tích cực. Đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân tiếp tục được cải thiện; hệ thống y tế, giáo dục và các dịch vụ xã hội từng bước được nâng cao. Các chương trình giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội và chăm lo các đối tượng chính sách được triển khai hiệu quả đạt được những kết quả quan trọng. Lĩnh vực giáo dục - đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học trong vùng tiếp tục được củng cố và phát triển, khẳng định vai trò là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và nghiên cứu khoa học của cả nước. Công tác quản lý

tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu được quan tâm hơn, nhất là việc triển khai các giải pháp quản lý tài nguyên, kiểm soát ô nhiễm môi trường, phát triển kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội của vùng được giữ vững. Hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế của các địa phương trong vùng tiếp tục được mở rộng, góp phần thu hút đầu tư, thúc đẩy thương mại và nâng cao vị thế của vùng Đông Nam Bộ. Tuy nhiên, việc thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW vẫn còn nhiều hạn chế. Một số chủ trương, chính sách còn vướng mắc, chông chéo. Tăng trưởng kinh tế của vùng còn thấp, chưa thực sự bền vững; tốc độ tăng năng suất lao động chưa tương xứng với tiềm năng và vị thế của vùng. Năng lực tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của doanh nghiệp trong nước còn hạn chế; tỷ lệ nội địa hóa trong nhiều ngành công nghiệp còn thấp. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Hệ thống giao thông kết nối chưa đồng bộ; chưa hình thành rõ nét các trung tâm dịch vụ tài chính, logistics, thương mại tầm khu vực. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chưa thật sự là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Chất lượng nguồn nhân lực cải thiện chậm, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế. Một số vấn đề xã hội phát sinh trong quá trình đô thị hóa và di cư lao động chưa được giải quyết triệt để; khả năng đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân còn gặp nhiều khó khăn. Năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu, ngập lụt đô thị và các hiện tượng thời tiết cực đoan của một số địa phương còn hạn chế. Liên kết vùng chưa thực sự phát huy hiệu lực, hiệu quả. Công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội vẫn còn một số thách thức, nhất là về tội phạm công nghệ cao, các vấn đề an ninh phi truyền thống và công tác quản lý an ninh trật tự tại các khu vực đô thị hóa nhanh.

Từ những yêu cầu mới về tăng trưởng cao nhưng phải đồng bộ với bảo đảm an sinh xã hội, trong bối cảnh quốc tế và khu vực những năm gần đây có nhiều biến động sâu sắc, khó lường, trong nước đã điều chỉnh không gian phân vùng phát triển và địa giới hành chính theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, trong đó không gian phát triển vùng Đông Nam Bộ đã được mở rộng hơn; để khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW cần được rà soát, điều chỉnh toàn diện cả về tư duy phát triển, thể chế, phương thức điều phối và phân bổ nguồn lực; tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm tái cấu trúc không gian phát triển vùng, phát huy tối đa các lợi thế của vùng Đông Nam Bộ, tạo nền tảng vững chắc để thực hiện hiệu quả chiến lược phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Bộ Chính trị yêu cầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp tiếp tục thực hiện quyết liệt các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được nêu trong Nghị quyết số 24-NQ/TW; tập trung một số nội dung trọng tâm sau:

1. Tiếp tục thực hiện mục tiêu đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 đã được đề ra tại Nghị quyết số 24-NQ/TW, đồng thời điều chỉnh và bổ sung một số chỉ tiêu:

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt khoảng 10 - 11%.

- Tỷ trọng khu vực dịch vụ chiếm khoảng 43-44% trong GRDP, khu vực công nghiệp và xây dựng 42-43%, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 3,0%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp 10-11%.

- Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP khoảng 35 - 40%.

- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội: 5%.

- Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt khoảng 9 - 10%.

- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng trên 60%.

- Đạt 35 giường bệnh và 19 bác sĩ trên 10.000 dân; Đạt bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân; Người dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 1 lần.

2. Tiếp tục hoàn thiện thể chế phát triển vùng Đông Nam Bộ theo hướng đồng bộ, hiện đại, bảo đảm tính thống nhất giữa quy hoạch vùng, quy hoạch ngành và quy hoạch địa phương; Tập trung xây dựng các cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các nút thắt, điểm nghẽn, khơi thông và giải phóng mọi nguồn lực cho phát triển nhanh và bền vững cho vùng. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý, quản trị phát triển giữa Trung ương và địa phương, phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của địa phương gắn với nâng cao trách nhiệm giải trình và năng lực quản trị của chính quyền địa phương; Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Hội đồng điều phối vùng Đông Nam Bộ, từng bước hoàn thiện mô hình quản trị vùng theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, có đủ thẩm quyền và nguồn lực để thực hiện việc điều phối. Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các địa phương trong vùng với các vùng lân cận như vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; phát huy vai trò của vùng Đông Nam Bộ là trung tâm kinh tế năng động, đầu tàu tăng trưởng của cả nước. Hoàn thiện khung pháp lý thúc đẩy phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, đổi mới sáng tạo và các mô hình kinh doanh mới; tập trung hoàn thiện hệ thống chính sách phát triển các trung tâm tài chính, trung tâm đổi mới sáng tạo và các khu công nghiệp công nghệ cao của vùng; xây dựng các cơ chế thử nghiệm chính sách mới (sandbox) trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, tài chính, kinh tế số và kinh tế xanh. Phân đầu đến năm 2030, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình và sử dụng dịch vụ số của người dân, doanh nghiệp đạt trên 85%.

3. Đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển các động lực kinh tế mới của vùng Đông Nam Bộ; chuyển mạnh từ mô hình tăng trưởng dựa chủ yếu vào vốn đầu tư, lao động và khai thác tài nguyên sang mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển kinh tế tri thức; Phát triển mạnh các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, chế tạo tiên tiến, hóa dầu, hóa chất, dược phẩm, điện tử, và các ngành công nghệ chiến lược như trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, dữ liệu lớn, công nghệ sinh học và vật liệu mới, an ninh mạng,...; Phát triển mạnh các động lực tăng trưởng mới gắn với kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và các mô hình kinh tế mới, tạo ra sức sản xuất và phương thức sản xuất mới chất lượng cao. Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong các ngành kinh tế; phát triển hạ tầng dữ liệu và hệ sinh thái số

của vùng. Phát triển hoạt động thương mại, đầu tư tại các khu kinh tế cửa khẩu, trọng tâm là khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài. Phát triển vùng thành trung tâm dịch vụ của khu vực Đông Nam Á về tài chính, thương mại, du lịch và giao lưu quốc tế.

Phát huy vai trò của khu vực kinh tế tư nhân trong thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng và phát triển các động lực kinh tế mới của vùng; Tập trung hình thành và phát triển đội ngũ doanh nghiệp tư nhân lớn, các tập đoàn kinh tế tư nhân có năng lực cạnh tranh khu vực và quốc tế, có khả năng dẫn dắt các ngành, lĩnh vực then chốt của vùng và tham gia các dự án hạ tầng chiến lược, công nghiệp công nghệ cao, logistics, đô thị thông minh; Phấn đấu đến năm 2030, khu vực kinh tế tư nhân đóng góp khoảng 60 - 65% GRDP vùng, hình thành ít nhất 4 - 5 tập đoàn kinh tế tư nhân quy mô lớn có năng lực cạnh tranh khu vực, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu; Hỗ trợ khu vực doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh một cách thực chất. Tập trung phát triển kinh tế nhà nước thực sự trở thành “điểm tựa” cho nền kinh tế nhằm phát huy vai trò dẫn dắt của kinh tế nhà nước trong các lĩnh vực hạ tầng chiến lược, năng lượng, tài chính và các ngành công nghiệp nền tảng, xác định kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, tiên phong kiến tạo phát triển và dẫn dắt một số ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế.

4. Tập trung phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, đồng bộ và có tính kết nối cao trong nội vùng, giữa vùng Đông Nam Bộ với các vùng kinh tế khác của cả nước và quốc tế. Hoàn thiện đồng bộ và đột phá mạnh mẽ trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông đa phương thức, hạ tầng công nghệ phục vụ chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án hạ tầng giao thông trọng điểm như các tuyến đường vành đai Thành phố Hồ Chí Minh, các tuyến cao tốc kết nối Thành phố Hồ Chí Minh với các địa phương lân cận và liên vùng, các tuyến đường quốc lộ, hệ thống đường sắt đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh, đường sắt kết nối liên vùng như: đường sắt Thủ Thiêm - Long Thành, Biên Hòa - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ. Phát triển mạnh hệ thống cảng biển, logistics và hạ tầng thương mại quốc tế của vùng, đặc biệt là đầu tư hoàn chỉnh cụm cảng nước sâu Cái Mép - Thị Vải và khu vực Hiệp Phước - Cát Lái; Xây dựng cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ, kết nối với các trung tâm logistics tại Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai và các khu công nghiệp lớn trong vùng. Đầu tư các tuyến kết nối cảng hàng không Long Thành. Xây dựng đường sắt đô thị Thành phố Hồ Chí Minh; đường sắt kết nối trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh với các đô thị lân cận. Tập trung phát triển và nâng cấp các cảng hàng không quốc nội và quốc tế trong vùng, nhất là việc tập trung khai thác và đầu tư các tuyến đường tại Cảng hàng không quốc tế Long Thành, nâng cao hiệu quả khai thác các cảng hàng không Tân Sơn Nhất và tiếp tục đầu tư cảng hàng không Long Thành (giai đoạn 2).

Tập trung phát triển hạ tầng số và hạ tầng công nghệ trở thành nền tảng quan trọng cho chuyển đổi số và phát triển kinh tế số của vùng. Chú trọng phát triển hệ thống trung tâm dữ liệu, hạ tầng viễn thông thế hệ mới, nền tảng dữ liệu dùng chung và các nền tảng số phục vụ quản trị vùng và phát triển kinh tế số; xây dựng các đô thị thông minh và hệ thống quản lý giao thông, môi trường, logistics

dựa trên công nghệ số, nhất là tại Thành phố Hồ Chí Minh với vai trò trung tâm khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của cả nước, là hạt nhân dẫn dắt quá trình phát triển hạ tầng số và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của toàn vùng. Tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng năng lượng hiện đại, bảo đảm an ninh năng lượng. Tập trung phát triển các nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và hạ tầng truyền tải điện hiện đại theo hướng xanh, bền vững, giảm phát thải carbon. Chú trọng phát triển hạ tầng xã hội đồng bộ và hiện đại, bao gồm hệ thống giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao và các thiết chế xã hội. Phát triển các trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và các cơ sở y tế chất lượng cao nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và chất lượng sống của người dân trong vùng. Tăng cường đầu tư các công trình hạ tầng môi trường, hệ thống xử lý chất thải và các công trình thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm bảo đảm phát triển bền vững của vùng Đông Nam Bộ trong dài hạn.

Phát huy vai trò của khu vực kinh tế tư nhân trong đầu tư phát triển hạ tầng, đặc biệt trong các lĩnh vực logistics, hạ tầng số, hạ tầng công nghiệp và hạ tầng đô thị.

5. Đẩy mạnh phát triển hệ thống đô thị vùng Đông Nam Bộ theo hướng hiện đại, thông minh, xanh và bền vững; hình thành các cực tăng trưởng mạnh, các vùng kinh tế trọng điểm và các đô thị ngang tầm khu vực và quốc tế. Tập trung xây dựng vùng Đông Nam Bộ trở thành vùng đô thị hóa cao, có hệ thống đô thị phát triển năng động, gắn kết chặt chẽ với mạng lưới đô thị quốc gia và khu vực.

Phát huy vai trò trung tâm của Thành phố Hồ Chí Minh trong hệ thống đô thị vùng Đông Nam Bộ, xây dựng Thành phố trở thành trung tâm tài chính, thương mại, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo hàng đầu của khu vực Đông Nam Á. Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố văn minh, hiện đại, năng động sáng tạo; trung tâm tài chính quốc tế, ngang tầm các thành phố lớn châu Á. Tiếp tục phát huy vai trò là trung tâm công nghiệp và đô thị công nghiệp quan trọng của vùng, gắn với sự phát triển của hệ thống khu công nghiệp, khu công nghệ cao và các trung tâm logistics hiện đại của tỉnh Đồng Nai. Đối với tỉnh Tây Ninh, phát triển hệ thống đô thị gắn với các khu kinh tế cửa khẩu, các trung tâm thương mại - dịch vụ và các khu công nghiệp mới.

Phát triển mạnh các cực tăng trưởng mới của vùng gắn với các hành lang kinh tế và các trung tâm công nghiệp - dịch vụ - logistics quan trọng, tạo ra không gian phát triển mới, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao vai trò của vùng Đông Nam Bộ trong mạng lưới kinh tế khu vực, như: Hành lang kinh tế Bắc - Nam trên địa bàn vùng Đông Nam Bộ (từ Đồng Nai đến Tây Ninh); Hành lang kinh tế Mộc Bài - Thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Vũng Tàu gắn với hành lang kinh tế xuyên Á; Hình thành vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ, logistics dọc hành lang vành đai 3, vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh; Thúc đẩy phát triển theo hành lang Quốc lộ 13 kết nối Thành phố Hồ Chí Minh - Đồng Nai; Từng bước hình thành hành lang kinh tế Tây Nguyên - Đông Nam Bộ gắn với đường Hồ Chí Minh, cao tốc Bắc - Nam phía Tây nhằm thúc đẩy phát triển, liên kết vùng, gắn với tăng cường quốc phòng, an ninh; Hành lang Tây Ninh - Thành

phố Hồ Chí Minh; Hành lang kết nối vùng dọc theo sông Sài Gòn, sông Đồng Nai trở thành hành lang xanh - sinh thái phục vụ kết nối không gian đô thị và phát triển kinh tế dịch vụ, du lịch liên tỉnh. Mở rộng phạm vi vùng động lực phía Nam ra các khu vực gần với đường Vành đai 4, Cao tốc Mộc Bài - Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành, Long Thành - Hồ Tràm; Điều chỉnh phạm vi của 03 tiểu vùng (Tiểu vùng trung tâm, Tiểu vùng ven biển và Tiểu vùng vành đai phía Bắc và phía Tây) cho phù hợp với bối cảnh phát triển mới.

Hình thành mạng lưới các đô thị vệ tinh, đô thị công nghiệp, đô thị logistics và đô thị du lịch trong toàn vùng, nhằm phân bố hợp lý dân cư, lao động và các hoạt động kinh tế. Phát triển các đô thị vệ tinh xung quanh Thành phố Hồ Chí Minh như Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Dĩ An, Nhơn Trạch và các đô thị mới tại Đồng Nai (khu vực tỉnh Bình Phước cũ), Tây Ninh nhằm giảm áp lực cho đô thị trung tâm, đồng thời tạo không gian phát triển mới cho vùng.

6. Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thúc đẩy mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế vùng. Khuyến khích doanh nghiệp tăng cường đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (R&D), đổi mới công nghệ và ứng dụng các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào sản xuất và dịch vụ. Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 40% tổng số doanh nghiệp; Tổng chi cho nghiên cứu và phát triển (R&D) đạt khoảng 2% GRDP, trong đó kinh phí từ xã hội chiếm trên 60%. Xây dựng vùng Đông Nam Bộ trở thành trung tâm phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao hàng đầu của cả nước và khu vực. Đẩy mạnh phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của vùng Đông Nam Bộ với hạt nhân là Thành phố Hồ Chí Minh; tăng cường liên kết giữa các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp và các tổ chức khoa học công nghệ nhằm thúc đẩy chuyển giao tri thức, công nghệ và phát triển các sản phẩm công nghệ mới có giá trị gia tăng cao. Phấn đấu đến năm 2030, hình thành ít nhất 2 - 3 trung tâm đổi mới sáng tạo và trung tâm dữ liệu quy mô vùng.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung đào tạo nhân lực trong các lĩnh vực công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, khoa học dữ liệu; có cơ chế thu hút chuyên gia, nhà khoa học, nhân tài trong và ngoài nước, hình thành đội ngũ “tổng công trình sư” dẫn dắt các dự án công nghệ lớn của vùng. Phát triển các chương trình đào tạo gắn với nhu cầu của thị trường lao động và các ngành công nghệ mới, nhân lực kỹ thuật cao, nhân lực quản trị và nhân lực khoa học công nghệ. Xây dựng các cơ chế, chính sách thu hút và trọng dụng nhân tài trong các lĩnh vực khoa học công nghệ, quản trị, tài chính và đổi mới sáng tạo; khuyến khích các chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân và người Việt Nam ở nước ngoài tham gia vào các hoạt động nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo tại vùng Đông Nam Bộ.

7. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường và bảo đảm an sinh xã hội, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển nhanh và bền vững của vùng Đông Nam Bộ, với không gian phát triển kinh tế - xã hội hiện đại,

văn minh, đáng sống, có môi trường sinh thái bền vững và hệ thống an sinh xã hội toàn diện. Phát huy các giá trị văn hóa truyền thống và bản sắc văn hóa đặc trưng của vùng Đông Nam Bộ; Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, du lịch văn hóa và các hoạt động sáng tạo nghệ thuật với hạt nhân là Thành phố Hồ Chí Minh phát triển theo định hướng “Thành phố điện ảnh”, từng bước xây dựng Thành phố trở thành trung tâm văn hóa và sáng tạo của khu vực Đông Nam Á và thế giới. Nâng cao chất lượng hệ thống an sinh xã hội và phúc lợi xã hội của vùng, bảo đảm mọi người dân đều được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ cơ bản về giáo dục, y tế, nhà ở, việc làm và các dịch vụ xã hội thiết yếu. Tiếp tục phát huy vai trò là trung tâm y tế, giáo dục, văn hóa và dịch vụ xã hội lớn của cả nước đối với Thành phố Hồ Chí Minh; tập trung nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục, y tế và các thiết chế văn hóa - xã hội gắn với quá trình đô thị hóa và phát triển công nghiệp của địa phương tại tỉnh Đồng Nai; chú trọng phát triển văn hóa gắn với các giá trị lịch sử, văn hóa và tín ngưỡng của địa phương đối với tỉnh Tây Ninh; phát triển du lịch văn hóa, du lịch tâm linh và du lịch sinh thái gắn với khu du lịch quốc gia núi Bà Đen và các di tích lịch sử - văn hóa của tỉnh. Tăng cường quản lý và bảo vệ tài nguyên, môi trường, thúc đẩy phát triển kinh tế xanh và chuyển đổi xanh trong toàn vùng. Kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp, khu đô thị và các lưu vực sông lớn; phát triển hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn và các công trình bảo vệ môi trường hiện đại; thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và giảm phát thải khí nhà kính, góp phần thực hiện các cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu.

8. Tiếp tục củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn vùng Đông Nam Bộ. Tăng cường xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng - an ninh; nâng cao năng lực quản lý biên giới, bảo đảm an ninh kinh tế, an ninh năng lượng và an ninh mạng; gắn phát triển kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, cảng biển và đô thị với yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đẩy mạnh triển khai đồng bộ, sáng tạo hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện, hiệu quả, bảo đảm môi trường hòa bình, ổn định; Tăng cường hợp tác kinh tế biên giới, thương mại cửa khẩu, góp phần củng cố chủ quyền, nâng cao vị thế quốc gia và tạo thêm động lực tăng trưởng cho vùng Đông Nam Bộ.

9. Tăng cường xây dựng Đảng và hệ thống chính trị về chính trị, tư tưởng và tổ chức, bảo đảm thống nhất cao về nhận thức và hành động trong triển khai các chủ trương phát triển vùng; Đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong hệ thống chính trị; nâng cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và chuyên gia tham mưu phát triển vùng; Tiếp tục đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, gắn với sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, tăng cường đồng thuận xã hội; huy động sự tham gia của Nhân

dân và cộng đồng doanh nghiệp trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển vùng; củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

10. Tổ chức thực hiện

- Các tỉnh ủy, thành ủy trong cả nước, đặc biệt là Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các tỉnh, thành phố vùng Đông Nam Bộ, các đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban đảng Trung ương tổ chức học tập, quán triệt, xây dựng chương trình, kế hoạch, triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW và Kết luận này.

- Đảng ủy Quốc hội nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách vượt trội nhằm tạo nền tảng pháp lý thuận lợi cho triển khai thực hiện Kết luận và Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ; điều chỉnh, bổ sung, bố trí ngân sách triển khai, thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ được nêu tại Kết luận; tăng cường giám sát của Quốc hội đối với các chương trình, dự án liên kết vùng; bảo đảm sự thống nhất giữa phân cấp, phân quyền với kiểm soát quyền lực; tạo điều kiện để vùng Đông Nam Bộ phát triển nhanh, bền vững, khẳng định vai trò là trung tâm kinh tế năng động, có quy mô lớn và đóng góp quan trọng cho nền kinh tế quốc gia.

- Đảng ủy Chính phủ: (i) Ban hành Chương trình hành động triển khai Kết luận; (ii) Ban hành Quy hoạch phát triển vùng Đông Nam Bộ để định hướng cho các địa phương; (iii) Hoàn thiện cơ chế điều phối và kết nối phát triển vùng theo chủ trương của Đảng tại Đại hội XIV, chuyển từ tư duy phối hợp sang tư duy điều hành thực chất; (iv) Hoàn thiện, ban hành các cơ chế, chính sách vượt trội và bổ sung nguồn lực để phát triển bền vững vùng Đông Nam Bộ theo tinh thần của Kết luận.

- Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển vùng Đông Nam Bộ.

- Ban Chính sách, chiến lược Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng ủy Chính phủ tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát, định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kết luận và Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ; đề xuất bổ sung, điều chỉnh chủ trương, giải pháp khi xuất hiện những phát sinh mới trong quá trình triển khai Kết luận.

Nơi nhận:

- Các cơ quan, ban đảng Trung ương,
- Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
THƯỜNG TRƯC BAN BÍ THƯ

Trần Cẩm Tú